TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNHQUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2021
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Quỵ;

Bà Trần Thị Thanh Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Đình Vương Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị P; nơi ĐKHKTT: Khu phố 5, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Chỗ ở hiện tại: Thôn Làng Đông, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Đình K; nơi ĐKHKTT và địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu phố 5, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn trình bày ý kiến ngày 23/3/2021 và tại phiên tòa chị Dương Thị P trình bày:

Chị Dương Thị P và anh Bùi Đình K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị vào ngày 20/9/2011. Qua thời gian chung sống cho đến tháng 7 năm 2013, anh K đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, anh K không quan tâm đến gia đình vợ con, hôn nhân đã trầm trọng, không thể kéo dài; nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh K.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 12/3/2013. Chị P có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thông tin xuất cảnh của anh Bùi Đình K: Theo xác nhận của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị cho biết anh Bùi Đình K xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 07/02/2020 qua Sân bay quốc tế Đà Nẵng đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án phải tống đạt các văn bản tố tụng cho anh K thông qua người thân của anh K là ông Bùi Đình C và bà Nguyễn Thị Hoa P; hiện trú tại: Khu phố 5, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị (là bố mẹ đẻ của anh K).

Tại biên bản làm việc ngày 06/5/2021, ông Bùi Đình C và bà Nguyễn Thị Hoa P (là bố mẹ đẻ của anh K) trình bày ý kiến:

Anh Bùi Đình K là con của ông Bùi Đình C và bà Nguyễn Thị Hoa P, có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh là ở tại Khu phố 5, thị trấn C, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Hiện tại, anh K đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan; tuy nhiên, ông C và bà P không biết và không được anh K cung cấp địa chỉ của anh K tại Đài Loan, mặc dù anh K thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua Zalo, Facebook và điện thoại. Vợ chồng anh K có 01 con chung là cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 12/3/2013; hiện tại cháu N đang sống với mẹ tại nhà ông bà ngoại ở tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống tại gia đình bên chồng, chị P không có trách nhiệm với gia đình, đi làm về không hề làm việc gì, việc ly hôn do chị P tự ý đơn phương, tự ý thu dọn đồ đạc, đưa cháu N bỏ nhà đi, mà không hề có thông báo cho gia đình biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã chụp hình gửi qua Zalo và thông báo cho anh K biết việc chị P có đơn xin ly hôn và TAND tỉnh Quảng Trị đang thụ lý giải quyết vụ việc. Việc ly hôn do hai vợ chồng giải quyết với nhau, gia đình không rõ ý kiến của anh K như thế nào.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị trình bày ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, 5 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị P, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị P được ly hôn với anh Bùi Đình K.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 12/3/2013 cho chị Dương Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Bùi Đình K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 23/3/2021, chị Dương Thị P khởi kiện xin ly hôn đối với anh Bùi Đình K; tại thời điểm này anh K đã xuất cảnh, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Trước và sau khi thụ lý vụ án, chị P và người thân của anh K không cung cấp được địa chỉ nơi sinh sống, làm việc ở nước ngoài của anh K. Tuy nhiên, anh K vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và mạng xã hội. Anh K đã được người thân thông tin về việc chị P khởi kiện xin ly hôn và vụ việc đang do TAND tỉnh Quảng Trị giải quyết nhưng vẫn không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, cư trú, nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án; do đó, Tòa án căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao về việc *"Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ"* để giải quyết vụ án theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Bùi Đình K vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được; Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng phiên tòa ngày 16/6/2021 anh K vắng mặt lần thứ nhất mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lại phiên tòa được xét xử vào ngày 29/6/2021 (theo đúng kế hoạch giải quyết vụ án đã thông báo trước cho anh K). Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập anh K đến phiên tòa ngày 29/6/2021 thông qua người thân là bố, mẹ đẻ của anh K, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Bùi Đình K là bị đơn trong vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Dương Thị P và anh Bùi Đình K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/9/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện G và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh K là hợp pháp. Nay chị Dương Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Đình K nên Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để xem xét yêu cầu ly hôn của chị P.

Thấy rằng: Tình cảm vợ chồng phải từ hai phía, vợ chồng phải thương yêu, chăm sóc, giúp đở lẫn nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, sau khi đi xuất khẩu lao động anh K đã không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến hai vợ chồng ở 02 nơi, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Dương Thị P được ly hôn anh Bùi Đình K.

[3]. Về con chung: Chị Dương Thị P và anh Bùi Đình K có một con chung là cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 12/3/2013, từ khi cháu N sinh ra đến nay đều do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bản thân cháu là cháu gái cần có sự chăm sóc của người mẹ, cháu có nghuyện vọng ở với mẹ; hiện tại anh K đang ở nước ngoài, không có mặt tại địa phương nên không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị P giao cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 12/3/2013 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh K không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị P yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con là thỏa đáng nên cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Dương Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Đình K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, 5 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị P, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị P được ly hôn với anh Bùi Đình K.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 12/3/2013 cho chị Dương Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Đình K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi cháu Bùi Bảo N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Người không trực tiếp được giao nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

4. Về án phí: Chị Dương Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/000816 ngày 09/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (chị P đã nộp đủ án phí).

Anh Bùi Đình K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Chị Dương Thị P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Đình K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND TT Cửa Việt;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

. **Trần Việt Trung**